

ĐỔI MỚI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

TS. TRẦN THỊ HIỂN LƯƠNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Xu hướng đánh giá theo năng lực người học

Giáo dục theo quan điểm phát triển năng lực (Development of Competency) là xu thế thiết kế chương trình giáo dục phổ thông của nhiều quốc gia hiện nay, đặc biệt những nước có nền giáo dục tiên tiến. Nhiều ý kiến cho rằng năng lực người học thể hiện ở khả năng làm chủ kiến thức, kĩ năng, thái độ, những trải nghiệm của cá nhân,... để có thể vận dụng hợp lí vào việc giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống (học tập, lao động,...) của mỗi người.

Đánh giá năng lực người học là cách đánh giá có mục tiêu xác định khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng được học ở nhà trường vào giải quyết các tình huống đặt ra với học sinh (HS) trong cuộc sống. Ngữ cảnh đánh giá phải gắn với tình huống của đời sống. Nội dung đánh giá theo năng lực là những kiến thức, kĩ năng, thái độ,... HS có được từ nhiều môn học, hoạt động giáo dục và những trải nghiệm trong cuộc sống. Các bài kiểm tra đánh giá năng lực người học phải là những câu hỏi theo hướng mở, tăng cường khả năng vận dụng những kiến thức được học vào giải quyết những tình huống đặt ra trong cuộc sống thường ngày. Kết quả đánh giá theo năng lực phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập từng HS đã hoàn thành.

Để án Đổi mới chương trình - sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông sau năm 2015 theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học của Bộ GD&ĐT đòi hỏi đổi mới tất cả các thành tố của quá trình dạy học, trong đó có hoạt động đánh giá kết quả học tập. Việc điều chỉnh, đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập các môn học ở trường phổ thông có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy giáo dục đi theo định hướng phát triển năng lực đã được lựa chọn.

2. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở Tiểu học

Theo chương trình và SGK môn Tiếng Việt ở Tiểu học hiện nay, HS được đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì kết quả học tập. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua việc HS làm các bài tập thực hành nói, viết hàng ngày trên lớp. Đánh giá định kì được thực hiện 4 lần thông qua bài kiểm tra giữa học kì và cuối học kì (chủ yếu là hình thức viết trên giấy).

Đối với việc đánh giá thường xuyên qua các bài tập thực hành trong mỗi giờ học, chương trình và SGK hiện nay đã chú ý tới việc tạo cơ hội cho HS vận dụng hoặc bộc lộ những hiểu biết, vốn sống đã tích lũy. Nhiều bài tập đã chú trọng đến việc khuyến khích HS bộc lộ cách hiểu, cách cảm, cách nghĩ, cách diễn đạt của bản thân và cách trình bày những vấn đề mình quan tâm hoặc yêu thích. Ví dụ: *Viết hai hoặc ba câu về một loài chim em thích* (Tiếng Việt 2, tập hai, tuần 21, tr.30); *Bà đến nhà đón em đi chơi. Hãy viết một vài câu nhắn lại để bố mẹ biết* (Tiếng Việt 2, tập một, tuần 14, tr.118); *Viết về một buổi biểu diễn nghệ thuật em đã được xem* (Tiếng Việt 3, tập 2).

Với những bài tập trên, kết quả bài làm của HS có sự phân biệt khá rõ rệt về năng lực, kết nối kiến thức được học ở trường (kĩ năng viết đoạn văn, bài văn miêu tả; kĩ năng viết đoạn văn, bài văn thuật việc, kể chuyện, kĩ năng viết thư, viết tin nhắn, viết thông báo,...) với vốn sống, sự trải nghiệm riêng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bài tập chưa phù hợp với lứa tuổi, vốn sống của HS ở các vùng miền khác nhau. Ví dụ: *Được tin quê em bị bão, bố mẹ em về thăm ông bà. Em hãy viết một bức thư ngắn (giống như viết bưu thiếp) thăm hỏi ông bà* (Tiếng Việt 2, tập một, tuần 11, tr.94). Với HS lớp 2, yêu cầu nêu trong bài tập chưa thật phù hợp. Những em chưa được chứng kiến cơn bão, chưa biết thiệt hại do bão gây ra, quê ông bà các em chưa từng bị bão hoặc các em ở cùng hay ở gần ông bà thì yêu cầu trên trở nên không thích hợp, HS không hoàn thành tốt bài.

Ngoài những loại bài tập trong SGK như vậy, HS phải làm thêm một số phiếu học tập để củng cố kiến thức được học do giáo viên (GV) đưa ra. Những bài tập chưa đảm bảo mục đích giao tiếp, chưa rõ đối tượng giao tiếp, bối cảnh giao tiếp,... Ví dụ:

Em hãy chọn từ ngữ cho trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống trong câu sau :
Mái tóc của cô giáo em.....
(*rất suôn và mềm mại ; đen óng ; rất dài và mượt mà*)

Với bài tập trên, HS đã hiểu rằng được yêu cầu miêu tả mái tóc của cô giáo dạy mình. Nhiều em đã không chọn một trong các cụm từ đã cho vì mái tóc

cô giáo của các em không có những đặc điểm mà các từ ngữ đó miêu tả.

Đối với việc đánh giá giữa kì hoặc cuối kì (của học kì 1 và học kì 2), có trường đã ra những đề bài chưa phù hợp. Ví dụ, ở lớp 2, tuần 28 – 29, HS được luyện viết đoạn văn miêu tả cây cối. Có trường ra đề bài: *Em hãy viết đoạn văn tả cây phượng*. Với những HS chưa nhìn thấy hoặc không biết cây phượng (do không quan tâm, không để ý đến cây cối xung quanh), trong sân trường không có cây phượng để quan sát thì đề văn này thiếu tính công bằng với HS. Để có bài nộp, các em chỉ chép theo trí nhớ những bài văn, đoạn văn mẫu: “Lá phượng nhỏ li ti như lá me”, “Trông xa, cây phượng giống như một mâm xôi gấc”. Những gì các em viết ra chỉ là sự ghi nhớ máy móc, sao chép, lắp ghép những câu chữ đã nghe, đã đọc. Kiểu đề bài dạng “đóng” chưa tạo điều kiện để HS phát huy vốn hiểu biết và trải nghiệm riêng, không tạo cơ hội để các em bộc lộ cách cảm, cách nghĩ của mình.

Như vậy, nội dung dạy học nói chung, nội dung các bài kiểm tra, đánh giá nói riêng có ảnh hưởng đến kết quả học tập của HS. Nội dung nhiều bài thực hành, luyện tập, để kiểm tra chưa tạo được cơ hội để HS kết hợp các kiến thức – kĩ năng được học, rèn luyện với vốn sống, vốn hiểu biết thu nhận từ thực tiễn và các môn học khác để tạo ra sản phẩm học tập bộc lộ được năng lực thực sự. Hạn chế về kết quả học tập môn Tiếng Việt còn do GV tổ chức hoạt động học tập cho HS. Phương pháp dạy học của một bộ phận GV tiểu học chưa phát huy khả năng độc lập suy nghĩ, chủ động, sáng tạo của HS. Nhiều khi GV chấm điểm, chữa bài cho HS rất cặn kẽ, gạch hết các câu văn HS đã viết rồi viết đè lên câu văn thay thế hoặc làm mẫu. Chưa kể, có những trường hợp GV không hiểu cách suy nghĩ ở lứa tuổi tiểu học nên không chấp nhận cách nghĩ, cách cảm của HS. Cách đánh giá đó của GV dẫn đến tình trạng HS không dám nghĩ, không dám nói, dám viết. Điều này cho thấy, nội dung, yêu cầu, cách thức và kết quả đánh giá sản phẩm học tập của HS có sức tác động rất lớn đến việc hình thành và phát triển năng lực học tập trong những chặng đường học tập sau. Đối mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS là một trong những khâu quan trọng của nhiệm vụ đổi mới giáo dục.

3. Ra đề theo hướng mở trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt

Theo xu hướng phát triển năng lực người học, quá trình dạy học phải tạo cơ hội cho HS huy động kiến thức thu nhận được áp dụng hiệu quả trong các tình huống, ngữ cảnh cụ thể. Chú trọng đến sự phát triển năng lực cho HS hiện nay, đòi hỏi ưu tiên thời

lượng cho hoạt động tự lực, sáng tạo. Tránh áp đặt, yêu cầu HS tạo ra sản phẩm học tập chỉ là sự sao chép sáo rỗng, không tạo được sự kết nối giữa kiến thức được học với những trải nghiệm và khả năng vận dụng. Để làm được điều này, nội dung các bài thực hành, luyện tập hàng ngày, những yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá định kì cần tạo được những cơ hội để HS thể hiện sự lựa chọn, cách suy nghĩ, cảm xúc chân thực và bộc lộ rõ nhất những năng lực cần đánh giá.

Đánh giá kết quả học tập của HS cần kết hợp các hình thức như: vấn đáp, viết và thực nghiệm. Ở Việt Nam, việc đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học chủ yếu được thực hiện ở hình thức viết trên giấy với hai dạng thức chính là trắc nghiệm (test) và tự luận (essay).

Đối với dạng trắc nghiệm, bài tập thực hành hay đề bài kiểm tra nên thiết kế đa dạng về kiểu, loại trắc nghiệm: trắc nghiệm nhiều lựa chọn, xác định đúng – sai, đối chiếu cặp đôi, trả lời Có - Không, Đúng - Sai phức hợp, câu hỏi mở... Khi ra bài tập thực hành hoặc đề bài kiểm tra theo hướng đánh giá năng lực người học, GV nên tăng cường các câu hỏi mở, đòi hỏi HS vận dụng các kiến thức – kĩ năng được học từ các môn học và thực tiễn cuộc sống để giải quyết. Với loại câu hỏi mở, người ra đề cần hình dung, phán đoán các cách trả lời khác nhau của HS. Với mỗi cách trả lời, đánh giá bằng điểm số phù hợp với các dạng/các nhóm câu trả lời (tương ứng với các mức độ của năng lực người học). Việc cho HS thực hiện nhiều kiểu, loại câu hỏi trắc nghiệm sẽ giúp các em có khả năng tư duy linh hoạt, qua đó, đánh giá được nhiều năng lực học tập của các em. Để đánh giá năng lực đọc hiểu của HS lớp 5, để kiểm tra cần được xây dựng theo 3 mức độ nhận thức: (1) Biết-hiểu; (2) Vận dụng; (3) Phản hồi – đánh giá. HS phát huy năng lực riêng của mỗi cá nhân (trong dùng từ, viết câu, thể hiện chiều sâu suy nghĩ và vốn hiểu biết, trải nghiệm của bản thân). Dưới đây là một ví dụ:

Hai anh thợ xây

Hai anh thợ đang xây bức tường của một tòa nhà, một người đến hỏi: “Các anh đang làm gì thế?” Người thợ xây thứ nhất trả lời với thái độ gắt gỏng: “Anh không thấy à? Tôi đang cực khổ chét hồ để ốp từng viên gạch chứ còn làm gì nữa?” Người thợ thứ hai nét mặt hồ hởi, ngẩng đầu lên, lau mồ hôi và hãnh diện nói: “Chúng tôi đang xây một công trình vĩ đại, một nhà thờ đấy!”

Theo Tôn Thất Khoa

Câu 1: Khi được hỏi, hai người thợ đã nói thế nào về công việc mình đang làm? Câu trả lời và thái độ của mỗi người thợ khi nói về công việc của mình đã cho ta biết anh ta là người thế nào?

Câu 2: Câu chuyện trên muốn nói với em điều gì?

Câu 3: Hiện nay, một số bạn HS coi việc học là gánh nặng. Em hãy viết 3 câu để động viên các bạn đó cố gắng hơn trong học tập.

Đối với đề kiểm tra tự luận, HS được thực hành viết đoạn văn, bài văn trong giờ Tập làm văn hoặc các đợt kiểm tra định kì. Để viết một câu văn, đoạn văn hay bài văn, HS phải suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo để hình thành ý tưởng, xây dựng nội dung, sắp xếp ý, xây dựng lập luận, lựa chọn từ ngữ, tìm cách bày tỏ thái độ, chính kiến,... Theo chúng tôi, loại đề bài đã tạo cơ hội cho HS phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng sáng tạo và huy động vốn sống, vốn ngôn ngữ, cách diễn đạt, cách lựa chọn ngôn từ cần được tăng cường. Theo một số chuyên gia, các dạng yêu cầu về kể chuyện, miêu tả và viết tranh luận nên phổ biến trong nhà trường, cụ thể như sau:

- Kể chuyện (Narrative): HS được yêu cầu kể một câu chuyện theo trật tự các sự việc diễn ra (tức là có tính trật tự trước sau), đòi hỏi các em sử dụng thời quá khứ. Yêu cầu này nhằm phát triển kĩ năng kể chuyện của HS. Trước đó, HS được yêu cầu đọc một số truyện ngắn, xem truyện tranh hoặc nghe HS khác kể chuyện, sau đó thảo luận những điều các em kể. GV giúp HS chú ý các khía cạnh như: nhân vật trong câu chuyện, sự việc diễn ra khi nào, ở đâu, các gì đã xảy ra và tại sao điều đó lại xảy ra.

- Miêu tả (Descriptive): HS tiểu học được luyện miêu tả người, nơi chốn, sự vật, hành động và các sự kiện (ví dụ: *Miêu tả một trận bóng đá*). Trong bài viết, HS phải sử dụng các từ ngữ miêu tả có khả năng vẽ nên một bức tranh trong tâm trí người đọc. Tóm lại, phát triển kĩ năng miêu tả của HS bằng cách để nghị các em thực hiện các hoạt động nói hoặc viết văn miêu tả về bản thân, môi trường xung quanh và các sự vật trong môi trường (như lớp học, mái trường, ngôi nhà, những người quen của mình,...).

- Viết tranh luận (Discursive): Đây là kiểu viết nhằm thuyết phục người đọc đồng ý với người viết về một điều gì đó. Người viết sẽ trình bày một ý kiến có tính lập luận. Cách tốt nhất để giới thiệu kiểu viết này là bắt đầu bằng một cuộc tranh luận (nói), tập thể hiện khả năng suy luận, dựa trên các sự kiện để chứng minh,... Thông qua việc đánh giá cuộc tranh luận và thực hành suy luận, người viết sẽ bắt tay vào viết một bài tranh luận một cách thuận lợi hơn.

Ba dạng tự luận trên là một trong nhiều cách

thức rèn năng lực tạo lập văn bản cho HS tiểu học. Ba kiểu viết đó hay bất kì thể loại viết nào cũng có thể tạo được cơ hội cho HS phát triển năng lực, miễn là các em được viết về những điều các em quan tâm, mơ ước hoặc muốn được chia sẻ.

4. Kết luận

Khi trong bài viết của HS bộc lộ được khả năng sáng tạo (ở hình thức hay nội dung bài viết), GV cần khích lệ, động viên, khen ngợi để các em phấn khởi và mong muốn tạo ra những bài viết sáng tạo hơn. GV có thể động viên, khích lệ, khen ngợi sự tiến bộ của từng HS trước lớp. Điều này giúp các em tự tin hơn trong việc thể hiện năng lực học tập và khả năng sáng tạo của mình. Song song với việc đánh giá khả năng sáng tạo của HS, GV cần tạo cơ hội để HS đánh giá lẫn nhau. GV cần khuyến khích các em không chỉ đưa ra những nhận xét, đánh giá mà còn phải thảo luận tìm cách có được văn bản hay, mới mẻ, độc đáo hơn.

Tăng cường câu hỏi mở trong các bài kiểm tra môn Tiếng Việt (dưới hình thức câu hỏi trắc nghiệm hay tự luận) ở Tiểu học là giải pháp tích cực và thiết thực, giúp HS có cơ hội phát huy năng lực, sở trường, niềm hứng thú trong học tập. Đây cũng là việc làm cụ thể, cần thiết, góp phần chuẩn bị cho triển khai việc đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Tiếng Việt ở Tiểu học nói riêng và môn Ngữ văn ở trường phổ thông nói chung đi theo định hướng phát triển năng lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Phương pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông* (2014), Giáo trình Đào tạo nghiên cứu sinh – Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Tài liệu *Tập huấn chuyên môn về Đánh giá giáo dục*, Bộ GD&ĐT 3-5/2014.
- [3]. Trần Thị Hiền Lương (chủ nhiệm đề tài), *Một số định hướng về dạy kĩ năng viết sáng tạo (creative writing) cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt* (Mã số : V2010 – 02, Viện Khoa học Giáo dục).

SUMMARY

The adjustment, testing and assessment renewal of subjects learning quality at general schools have important implication in promoting education development based on competency enhancing intention. Strengthening the open questions in Vietnamese subject testing at primary level is positive solution that helps students promote their competency, forte and interested in learning. This contributes to prepare innovating testing and assessment learning quality in Vietnamese subject at primary level in generally and Literature individually based on competency development intention.